

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 9

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 25 – 26/9/2024

Ngày cung cấp TT: 27/9/2024

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống mở nhỏ.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí chính thức

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Kênh chính hạ lưu công điều tiết (gần trường TH Đức Bông)

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ tầng mặt, Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi, Trước cửa xã TNI tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng H (khu mở rộng) tầng mặt, Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính, Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Ngàn Trươi.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Nước trong xanh.	6.1	5.1	6.28	0.1	0.054	1.958	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu	5.7	18.5	0	0.1	0.093	1.508	13	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			vàng nhạt.								
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 87%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước trong xanh.	6.15	12.6	6.6	0.1	0.078	2.363	17	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Nước trong xanh.	6.01	3.5	6.56	0.1	0.062	2.070	22	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước trong xanh.	5.5	14.6	0	0.1	0.163	1.913	43	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước màu trong xanh.	6.25	7.6	0	0.1	0.233	1.620	69	Giá trị DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi	Đánh giá ảnh hưởng của	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm	6.05	9.6	5.95	0.1	0.093	2.183	18	Giá trị các chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m)	khu nuôi cá đến chất lượng nước hồ.	76%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, có mùi tanh.								trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 92%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước màu xanh, có mùi tanh.	6.12	6.7	6.2	0.1	0.109	2.273	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng)	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 90%, gió ĐB 5	6.09	5	6.12	0.1	0.117	2.138	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	tầng mặt		km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.								phép
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 85%, gió ĐB 3 km/h. Không có dòng chảy, công đóng. Nước màu vàng.	6.2	25.1	6.72	0.1	0.132	1.926	300	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 80%, gió ĐB 5 km/h.	6.1	53.4	5.4	0.1	0.155	1.733	280	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đích dân sinh.	Dòng chảy rất chậm. cống mở nhỏ. Nước màu vàng đục.								phép
12	Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông)	Đánh giá chất lượng nước trên kênh chính hạ lưu cống đầu mối.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 80%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy rất chậm, mực nước thấp. Nước màu lục, có nhiều váng nổi trên mặt kênh.	7.8	12.5	7.12	0.1	0.186	1.688	104	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 85%, gió ĐB 3 km/h.	5.85	19.5	4.64	0.1	0.210	1.463	150	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Dòng chảy trung bình, nước qua thùy điện xuống hạ lưu. Nước màu vàng.								đạt giới hạn B cho phép
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy trung bình, nước màu lục.	6.4	13.6	7.29	0.1	0.070	0.990	27	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 85%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy chậm,	6.25	16.6	7.27	0.1	0.179	1.373	27	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			mực nước cao. Nước màu trắng đục. Nước thải nhà máy gỗ xả với lưu lượng khoảng 0,5 l/s.								phép

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn